

TP.HCM, ngày 25 tháng 6 năm 2025.

Số: 630/PCTT-VPĐK-ĐK

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI 17 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN TẠI TÒA PARK 4, KHU PHÚC HỢP TÂN CẢNG SÀI
GÒN, PHƯỜNG 22, QUẬN BÌNH THẠNH

Kính gửi: Đội Thuế quận Bình Thạnh

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI 1.1. Mã hồ sơ : theo danh sách đính kèm 17 hồ sơ 1.2. Ngày nhận hồ sơ: 19/7/2024, 25/10/2024, 28/11/2024, 09/4/2025.
II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT 2.1. Tên, Địa chỉ: theo danh sách đính kèm 17 hồ sơ 2.2. Địa chỉ: . 2.3. Số điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có):..... 2.4. Mã số thuế (nếu có):..... 2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân: -/- 2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: cấp Giấy chứng nhận tại dự án phát triển nhà ở.
III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT 3.1. Thông tin về đất 3.1.1. Thửa đất số: 245 ; Tờ bản đồ số: 14 ; 3.1.2. Địa chỉ tại: 720A Điện Biên Phủ, Phường 22, quận Bình Thạnh, Tp.HCM. 3.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất: - Vị trí thửa đất: Vị trí 1; Nguyễn Hữu Cánh/trộn đường; 3.1.4 Diện tích thửa đất: 34.141,3 m ² - Diện tích sử dụng chung: 34.141,3 m ² - Diện tích sử dụng riêng: -/- m ² 3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. 3.1.6. Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị. 3.1.7. Thời hạn sử dụng đất: lâu dài. 3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:...../...../.....; 3.1.9. Giá đất: theo bảng giá đất tại Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT48066 ngày 19/10/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất: **theo danh sách đính kèm 17 hồ sơ**

3.2.1. Loại nhà ở, công trình: ;

3.2.2. Diện tích xây dựng: -/- m²;

3.2.3. Diện tích sàn xây dựng/diện tích sử dụng: -/- m²;

3.2.4. Diện tích sở hữu chung (thông thủy): m²; (tìm tường): m²;

Diện tích sở hữu riêng ;

3.2.5. Số tầng: 43 tầng + 03 hầm;

Kết cấu: Tường gạch, khung sàn BTCT, mái BTCT.

Năm hoàn thành công trình đưa vào sử dụng: 2018;

3.2.6. Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng;

3.2.7. Thời hạn sở hữu đến: -/-.

IV. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP

- Đơn Đăng ký mẫu số 11/ĐK;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT48066 ngày 19/10/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp;

- Hợp đồng mua bán căn hộ, các phụ lục hợp đồng và văn bản chuyển nhượng (nếu có);

- Bản vẽ sơ đồ căn hộ chung cư.

Ghi chú: Công ty Cổ phần Vinhomes và người mua cung cấp thêm các chứng từ liên quan (nếu có) để Đội Thuế xác định nghĩa vụ tài chính cho các bên theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Sở TN&MT (để báo cáo);
- Trung tâm CNTT (để đăng tin);
- Công ty CP Vinhomes (để liên hệ);
- Ông, bà theo danh sách (để liên hệ);
- Lưu: VT, ĐK.Đ. HS:1605/24(17hs)

84443

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Thân Thế Hùng

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**DANH SÁCH 17 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
TẠI TÒA PARK 4 DỰ ÁN KHU PHỨC HỢP TÂN CẢNG SÀI GÒN, PHƯỜNG 22, QUẬN BÌNH THẠNH
(VINHOMES CENTRAL PARK)**

(Đính kèm Phiếu chuyển số:630... /PCTT-VPĐK-ĐK ngày 25 / 6 /2025
của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố)

STT	BN	Tên khách hàng	Mã căn hộ theo hợp đồng	Căn hộ theo cấp số nhà	Diện tích thông thủy (m2)	Diện tích tìm tường (m2)	Hình thức sở hữu	Loại căn hộ
1	14740	CÔNG TY TNHH JANICE Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 3600654874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Nai cấp; Đăng ký lần đầu ngày 31/12/2009; Đăng ký thay đổi lần thứ ngày . Địa chỉ trụ sở chính: Số 4 đường 9A, KCN Biên Hòa 2, phường An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	P4-29.06	P4-29.06	139.0	151.4	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
2	14741	Ông CHO HYUNGYU Năm sinh: 1977; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M89308385; Ngày cấp: 13/03/2018; Nơi cấp: Hàn Quốc Bà YUN JEONGIN Năm sinh: 1977; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M61463971; Ngày cấp: 10/07/2014; Nơi cấp: Hàn Quốc	P4-30.05	P4-30.05	81.2	90	Sở hữu chung	Căn hộ ở
3	14742	Ông LEE BONG ZO Năm sinh: 1981; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M64202637; Ngày cấp: 04/11/2019; Nơi cấp: Hàn Quốc Bà JANG SOJEONG Năm sinh: 1989; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M12593721; Ngày cấp: 20/06/2016; Nơi cấp: Hàn Quốc	P4-30.07	P4-30.07	134.7	146	Sở hữu chung	Căn hộ ở
4	14743	Ông KWON UK JU Năm sinh: 1964; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M25253113; Ngày cấp: 09/05/2019; Nơi cấp: Hàn Quốc Bà JUNG GYEONGSYM Năm sinh: 1967; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M09089733; Ngày cấp: 11/07/2019; Nơi cấp: Hàn Quốc	P4-35.05	P4-35.05	81.1	90	Sở hữu chung	Căn hộ ở
5	14744	Ông YOO SUNG WOO Năm sinh: 1975; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M45209355; Ngày cấp: 25/04/2019; Nơi cấp: Hàn Quốc Bà MOON SUNG HEE Năm sinh: 1977; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M88667935; Ngày cấp: 13/2/2013; Nơi cấp: Hàn Quốc	P4-40.10	P4-40.10	72.7	79.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở

STT	BN	Tên khách hàng	Mã căn hộ theo hợp đồng	Căn hộ theo cấp số nhà	Diện tích thông thủy (m2)	Diện tích tìm tương (m2)	Hình thức sở hữu	Loại căn hộ
6	1253	Ông KWON YOUNGKOOK Năm sinh: 1952; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ Chiếu số: M50856565; Ngày cấp: 05/06/2019; Nơi cấp: Hàn Quốc Bà KANG HYE SOOK Năm sinh: 1954; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ Chiếu số: M36541901; Ngày cấp: 02/04/2018; Nơi cấp: Hàn Quốc	P4-07.05	P4-07.05	80.6	90	Sở hữu chung	Căn hộ ở
7	1254	Ông SEO SEOK BIN Năm sinh: 1964; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ Chiếu số: M07607246; Ngày cấp: 27/09/2018; Nơi cấp: Hàn Quốc Bà KOO MIIA Năm sinh: 1969; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ Chiếu số: M35651062; Ngày cấp: 17/02/2015; Nơi cấp: Hàn Quốc	P4-12B.05	P4-12B.05	80.5	90	Sở hữu chung	Căn hộ ở
8	1255	Ông CHAO HUTCH SHIH MIN Năm sinh: 1959; Quốc tịch: Mỹ Hộ Chiếu số: A36068885; Ngày cấp: 18/07/2024; Nơi cấp: Mỹ Bà CHAO PUHSIEN CHENG Năm sinh: 1960; Quốc tịch: Mỹ Hộ Chiếu số: 530405830; Ngày cấp: 29/06/2015; Nơi cấp: Mỹ	P4-23.06	P4-23.06	138.2	151.2	Sở hữu chung	Căn hộ ở
9	1256	Ông WANG, CHUNG - LI Năm sinh: 1969; Quốc tịch: Đài Loan Hộ Chiếu số: 361017621; Ngày cấp: 25/11/2022; Nơi cấp: Đài Loan	P4-26.09	P4-26.09	108.4	118.2	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
10	1257	Ông YOO JIN YOUNG Năm sinh: 1952; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ Chiếu số: M80807423; Ngày cấp: 22/06/2022; Nơi cấp: Hàn Quốc Bà SONG YE SOOK Năm sinh: 1954; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ Chiếu số: M570X3485; Ngày cấp: 10/01/2022; Nơi cấp: Hàn Quốc	P4-28.04	P4-28.04	107.8	117.4	Sở hữu chung	Căn hộ ở
11	1259	Ông KIM HYUNG KIL Năm sinh: 1959; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ Chiếu số: M94072799; Ngày cấp: 24/11/2016; Nơi cấp: Hàn Quốc Bà HONG SUNG HWA Năm sinh: 1959; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ Chiếu số: M55673646; Ngày cấp: 31/05/2017; Nơi cấp: Hàn Quốc	P4-29.04	P4-29.04	107.8	117.4	Sở hữu chung	Căn hộ ở
12	1260	Ông LIM SOOMYEONG Năm sinh: 1968; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ Chiếu số: M297F3507; Ngày cấp: 07/03/2022; Nơi cấp: Hàn Quốc Bà KIM MISOOK Năm sinh: 1968; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ Chiếu số: M16391032; Ngày cấp: 24/02/2017; Nơi cấp: Hàn Quốc	P4-30.10	P4-30.10	73.1	79.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở

STT	BN	Tên khách hàng	Mã căn hộ theo hợp đồng	Căn hộ theo cấp số nhà	Diện tích thông thủy (m2)	Diện tích tìm tường (m2)	Hình thức sở hữu	Loại căn hộ
13	1261	Ông CHUNG JONG HWA Năm sinh: 1948; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ Chiếu số: M71589160; Ngày cấp: 17/07/2015; Nơi cấp: Hàn Quốc Bà JIN KYUNG SUK Năm sinh: 1958; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ Chiếu số: M21363144; Ngày cấp: 12/09/2018; Nơi cấp: Hàn Quốc	P4-35.06	P4-35.06	138.7	151.4	Sở hữu chung	Căn hộ ở
14	1262	Ông SHIM BUM SOO Năm sinh: 1967; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ Chiếu số: M27787048; Ngày cấp: 27/03/2015; Nơi cấp: Hàn Quốc Bà KIM KYOUNGHEE Năm sinh: 1968; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ Chiếu số: M36111551; Ngày cấp: 30/12/2016; Nơi cấp: Hàn Quốc	P4-37.04	P4-37.04	107.2	117.4	Sở hữu chung	Căn hộ ở
15	1263	Ông LEE JONG SEON Năm sinh: 1962; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ Chiếu số: M790X7951; Ngày cấp: 19/01/2023; Nơi cấp: Hàn Quốc Bà YANG KYUNGOK Năm sinh: 1966; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ Chiếu số: M84844272; Ngày cấp: 26/12/2019; Nơi cấp: Hàn Quốc	P4-38.06	P4-38.06	138.8	151.4	Sở hữu chung	Căn hộ ở
16	1605	Ông TU, TIEN-HSUN Năm sinh: 1957; Quốc tịch: Đài Loan Hộ Chiếu số: 360773738; Ngày cấp: 23/09/2022; Nơi cấp: Đài Loan Bà CHEN, WEN CHUN Năm sinh: 1959; Quốc tịch: Đài Loan Hộ Chiếu số: 353127015; Ngày cấp: 18/11/2019; Nơi cấp: Đài Loan	P4-33.10	P4-33.10	73.0	79.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở
17	282	Ông MOON HYUNG SIK Năm sinh: 1968; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ Chiếu số: M70194484; Ngày cấp: 04/07/2018; Nơi cấp: Hàn Quốc	P4-12B.03	P4-12B.03	73.9	82.3	Sở hữu riêng	Căn hộ ở

em

